

Số: /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng
Dự án thành phần “DATP 3: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Kinh tế
và Công nghệ thực phẩm”
thuộc dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Trung du, miền
núi phía Bắc và Bắc đồng bằng sông Hồng”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2022/QH15, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ các Quyết định số 3239/QĐ-BNN-KH ngày 21/7/2021 và số 2966/QĐ-BNN-KH ngày 04/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và Bắc đồng bằng sông Hồng”;

Xét đề nghị của Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1 tại Tờ trình số 764/TTr-BQL-TĐ ngày 26/10/2023 và của Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm tại Tờ trình số 16/TTr-KTCNTP ngày 26/10/2023 trình thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần “DATP 3: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực

phẩm” thuộc dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và Bắc đồng bằng sông Hồng và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình (tại Báo cáo kết quả thẩm định số: 1679 /BC-XD-TĐ ngày 30/10/2023) và Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng Dự án thành phần “DATP 3: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm” với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:

Dự án thành phần “DATP 3: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm” thuộc dự án “Đầu tư cơ sở vật chất cho khối Trường khu vực Trung du, miền núi phía Bắc và Bắc đồng bằng sông Hồng”.

2. Loại, nhóm dự án, cấp công trình chính:

- Loại công trình, dự án: Dự án đầu tư xây dựng công trình phục vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,
- Dự án nhóm C; công trình cấp III (công trình dân dụng).

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

4. Đơn vị được giao nhiệm vụ chuẩn bị dự án: Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1.

5. Chủ đầu tư dự án thành phần (từ giai đoạn thực hiện dự án đến kết thúc dự án): Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm.

6. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập dự án:

Liên danh Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng Thăng Long – Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng đô thị - Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư xây dựng và phát triển nông thôn – Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và lắp đặt thiết bị Việt Nam – VINACE – Công ty cổ phần Kiến trúc và xây dựng AVITYCO – Công ty cổ phần Tư vấn thiết kế công trình xây dựng Hải Phòng.

Chủ nhiệm thiết kế: KTS Lê Thế Diệp.

7. Mục tiêu đầu tư:

Tăng cường cơ sở vật chất, đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu cho giáo viên và học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm.

8. Địa điểm xây dựng: Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

9. Quy mô, nội dung đầu tư:

- Xây mới Xưởng thực hành cho 2 nghề điện và nghề chế biến thực phẩm, diện tích 2.100m².

- Xây mới Nhà làm việc và công vụ của giáo viên kết hợp hội trường, thư viện diện tích 1.667m²;

- Xây mới Nhà lớp học diện tích 1.290m²;
- Sân đường nội bộ;
- Mua sắm trang thiết bị.

10. Các giải pháp thiết kế cơ sở chủ yếu:

10.1. Xưởng thực hành cho 2 nghề Điện và Chế biến thực phẩm

- Vị trí xây dựng: Trên phạm vi khu đất của nhà xưởng thực hành cũ.
- Kiến trúc: Cao 5 tầng (01 tum); diện tích xây dựng 410m²; tổng diện tích sàn xây dựng là 2.100m².
 - Mặt bằng: Tầng 1, 2, 3 gồm các Xưởng thực hành chế biến thực phẩm, kho chế biến thực phẩm, phòng nghỉ giáo viên, phòng kỹ thuật. Tầng 4, 5 gồm các Xưởng thực hành khoa Cơ điện, kho, phòng nghỉ giáo viên, phòng kỹ thuật. Giao thông đứng sử dụng 02 thang bộ và 01 thang tải hàng; giao thông ngang sử dụng hành lang rộng 3,0m.
 - Kết cấu: Móng sử dụng móng cọc BTCT. Phần thân sử dụng khung BTCT chịu lực, cột, dầm, sàn, sàn mái bằng BTCT.
 - Hoàn thiện: Nền sàn các phòng học, phòng giáo viên, hành lang lát gạch ceramic. Khu vệ sinh lát gạch ceramic chống trơn, tường ốp gạch men kính. Tường xây gạch không nung vữa xi măng, lăn sơn hoàn thiện 3 nước. Cửa đi, cửa sổ, vách kính công trình sử dụng khung nhôm tương đương Xingfa, kính dán an toàn. Sàn mái quét chống thấm, lợp vữa XM tạo dốc, chống nóng và lát bằng gạch lá nem.
 - Cấp điện: Nguồn điện được lấy từ Trạm biến áp hiện có của Trường cấp cho tủ tổng khu nhà; lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, điện động lực cho công trình. Hệ thống chống sét sử dụng các kim thu sét mạ kẽm lắp đặt trên đỉnh mái kết hợp với lưới thu sét, cọc tiếp địa.
 - Điện nhẹ: Lắp đặt mạng LAN cho công trình.
 - Cấp nước: Nguồn nước được lấy từ trạm cấp nước chung của trường. Hệ thống cấp nước bao gồm bể nước ngầm, bơm nước và két nước trên mái; đường ống dẫn từ két nước trên mái xuống nơi tiêu thụ bằng ống PPR.
 - Nước thải được xử lý qua các bể tự hoại ngoài nhà, chảy vào ga thoát vào hệ thống rãnh hiện có trong khu vực công trình bằng ống uPVC. Hệ thống thoát nước mưa được dẫn vào mạng thoát nước ngoài nhà.
 - Hệ thống PCCC: Lắp đặt trung tâm báo cháy, đầu báo cháy địa chỉ, hệ thống bơm chữa cháy và ống chữa cháy vách tường; trang bị bình bột chữa cháy.
 - Thi công chống mối công trình bằng thuốc chống mối chuyên dụng.

10.2. Nhà làm việc và công vụ của giáo viên kết hợp hội trường, thư viện:

- Kiến trúc: Cao 3 tầng (01 tum), diện tích xây dựng 548m²; tổng diện tích sàn xây dựng là 1.667m².
 - Mặt bằng: Tầng 1, 2 gồm phòng Quản trị thiết bị, phòng hướng nghiệp, các khoa chuyên ngành công nghệ thực phẩm, kinh tế, khoa học cơ bản, chính trị

và pháp luật, công nghệ thông tin, phòng thư viện giáo viên; Tầng 3 là hội trường lớn, phòng chuẩn bị, phòng kỹ thuật. Giao thông đứng sử dụng 01 thang bộ; giao thông ngang sử dụng hành lang rộng 2,1m và nhà cầu nối sang nhà lớp học hiện có.

- Kết cấu: Móng sử dụng móng cọc BTCT. Phần thân sử dụng khung BTCT chịu lực, cột, dầm, sàn, sàn mái bằng BTCT. Phần mái khu hội trường sử dụng mái tôn chống nóng, dầm thép tổ hợp.

- Các nội dung khác: Hoàn thiện, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, điện nhẹ, PCCC, chống sét, phòng chống mối tương tự Nhà thực hành cho 2 nghề Điện và Chế biến thực phẩm.

10.3. Nhà lớp học:

- Vị trí xây dựng: Trên phạm vi khu đất của nhà lớp học cũ.

- Kiến trúc: Cao 4 tầng (01 tum), diện tích xây dựng 310m², tổng diện tích sàn xây dựng là 1.290m².

- Mặt bằng các tầng từ 1 đến 4 bố trí các phòng lớp học và giảng đường lớn, phòng nghỉ giáo viên, khu vệ sinh chung. Giao thông đứng sử dụng 02 thang bộ; giao thông ngang sử dụng hành lang rộng 2,6m.

- Kết cấu: Móng sử dụng móng cọc BTCT. Phần thân sử dụng khung BTCT chịu lực, cột, dầm, sàn, sàn mái bằng BTCT.

- Các nội dung khác: Hoàn thiện, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, điện nhẹ, PCCC, chống sét, phòng chống mối tương tự Nhà thực hành cho 2 nghề Điện và Chế biến thực phẩm.

10.4. Sân đường giao thông nội bộ:

- Hoàn trả sân đường xung quanh các công trình xây dựng, diện tích khoảng 750m²; sử dụng bê tông XM trên lớp cấp phối đá dăm và lớp đất nền dưới đáy kết cấu áo đường đầm chặt.

- Bồn hoa chiều dài khoảng 30m, xây bằng gạch không nung và một số tiểu mục khác.

10.5. Thiết bị: Thiết bị công trình (máy bơm nước, hệ thống điện nhẹ, thang tải hàng); thiết bị PCCC,...

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng:

a) Số bước thiết kế : 02 bước, thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng: QCVN 03: 2012/BXD; ; QCVN 05: 2008; QCVN 06: 2022/BXD; TCVN 4319:2012; TCVN 9210:2012; TCVN 2737: 2020; TCVN 9386 : 2012; TCVN 9362: 2012; TCVN 5574 : 2018; TCVN 5575: 2012; QCVN 12: 2014; TCXDVN 33: 2006 và các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn xây dựng khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư được duyệt: **45.000.000.000** đồng (*Bốn mươi lăm tỷ đồng*)

Chia ra:

- Chi phí xây dựng: 34.491.887.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 1.343.213.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 861.640.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.748.568.000 đồng;
- Chi phí khác: 436.405.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 5.118.287.000 đồng;

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

13. Tiến độ thực hiện dự án thành phần: 03 năm.

14. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Ngân sách Nhà nước (trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 do Bộ Nông nghiệp và PTNT được giao quản lý theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025).

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Thuê Tổ chức tư vấn quản lý dự án.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ:

1. Ban Quản lý đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1:

- Đầu mối, chủ trì tổng hợp trình Bộ điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án (nếu có) và tổng hợp báo cáo Bộ các nội dung liên quan đến toàn bộ dự án đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ trong đầu tư toàn dự án.

- Lập hồ sơ nghiệm thu và trình duyệt quyết toán giai đoạn chuẩn bị dự án.

- Cung cấp các hồ sơ, tài liệu có liên quan ở giai đoạn chuẩn bị dự án cho Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm để triển khai các bước tiếp theo.

- Lưu trữ hồ sơ giai đoạn chuẩn bị dự án và các nhiệm vụ khác theo quy định.

2. Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm:

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Bộ trưởng về việc tổ chức quản lý thực hiện và nhiệm vụ của chủ đầu tư dự án thành phần theo quy định.

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án thành phần theo đúng nội dung Quyết định đầu tư, các quy định hiện hành của Nhà nước, của địa phương về quản lý dự án đầu tư, quản lý chi phí đầu tư và quản lý chất lượng công trình xây dựng đảm bảo đưa công trình vào khai thác sử dụng đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả.

- Trình Bộ (qua Cục QLXDCT) thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án thành phần, phù hợp với kế hoạch thực hiện và nguồn vốn được cấp, tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt và các quy định hiện hành.

- Tổ chức lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng công trình, trình Cục Quản lý xây dựng công trình thẩm định theo quy định trước khi phê duyệt; lưu ý ở các bước tiếp theo:

+ Tổ chức lập và phê duyệt quy trình bảo trì công trình, quy trình vận hành thiết bị đúng quy định.

+ Xác định chi tiết danh mục, số lượng, đặc tính, thông số kỹ thuật thiết bị công trình phù hợp với nhu cầu sử dụng; tổ chức thẩm định giá thiết bị làm cơ

sở phê duyệt dự toán.

- Làm việc với các cơ quan quản lý xây dựng, quy hoạch, phòng cháy chữa cháy, cấp điện, cấp, thoát nước và công tác bảo vệ môi trường... tại địa phương về các thủ tục có liên quan theo quy định và các thủ tục thanh lý tài sản, phá dỡ công trình trước khi triển khai thi công xây dựng.

- Chủ trì trình quyết toán kinh phí dự án thành phần giai đoạn thực hiện dự án và kết thúc xây dựng theo quy định;

3. Vụ Kế hoạch: Tham mưu Bộ bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước theo tiến độ thực hiện dự án thành phần và kế hoạch vốn trung hạn được duyệt.

4. Vụ Tài chính: Chủ trì quyết toán dự án và dự án thành phần hoàn thành; hướng dẫn chủ đầu tư thực hiện các thủ tục về xử lý tài sản theo quy định.

5. Cục Quản lý xây dựng công trình: Thực hiện nhiệm vụ cơ quan chủ trì thẩm định và cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Tổ chức cán bộ, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 1, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm và các Thủ trưởng cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Trần Thanh Nam;
- Các Bộ: KHĐT và TC;
- Kho bạc NN (TƯ và ĐP);
- Lưu VT, XD (20b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục :
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án thành phần “DATP 3: Nâng cấp, cải tạo Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ thực phẩm”

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-XD, ngày tháng năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
1	Chi phí xây dựng	34.491.887
-	Nhà làm việc công vụ của giáo viên, kết hợp hội trường, thư viện	12.063.713
-	Xưởng thực hành cho hai nghề điện và chế biến thực phẩm	13.476.543
-	Nhà lớp học	8.707.544
-	Sân đường giao thông nội bộ	244.087
2	Chi phí thiết bị	1.343.213
-	Thiết bị công trình	530.145
-	Thiết bị PCCC	813.068
3	Chi phí quản lý dự án	861.640
3.1	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	17.576
3.2	Giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	844.064
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.748.568
*	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	
4.1	Chi phí lập nhiệm vụ báo cáo NCKT	4.387
4.2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	12.047
4.3	Chi phí khảo sát, lập quy hoạch và lập báo cáo NCKT	
-	Chi phí khảo sát địa chất	459.781
-	Chi phí lập báo cáo NCKT	118.387
4.4	Chi phí thẩm tra báo cáo NCKT	17.652
4.5	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	1.022
4.6	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	15.428
4.7	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT	511
*	Giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng	
4.8	Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình	893.221
4.9	Chi phí thẩm tra thiết kế xây dựng công trình	51.260
4.10	Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng công trình	49.405
4.11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT; chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT tư vấn	
-	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT	13.164
-	Chi phí thẩm định HSMT	1.000
-	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	1.000
4.12	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT; chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT thi công xây dựng	

-	<i>Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT</i>	86.408
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT</i>	17.246
-	<i>Chi phí thẩm định kết quả LCNT</i>	17.246
4.13	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT; chi phí thẩm định HSMT và kết quả LCNT thiết bị	
-	<i>Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT</i>	3.774
-	<i>Chi phí thẩm định HSMT</i>	1.000
-	<i>Chi phí thẩm định kết quả LCNT</i>	1.000
4.14	Chi phí giám sát thi công xây dựng	762.221
4.15	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	9.644
4.16	Chi phí thí nghiệm nén tĩnh cọc	211.762
5	Chi phí khác	436.405
*	<i>Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</i>	
5.1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	6.930
5.2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán CBĐT	3.741
5.3	Chi phí thẩm định báo cáo NCKT	2.408
*	<i>Giai đoạn thực hiện đầu tư và kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng</i>	
5.4	Phí thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở (BVTC)	31.933
5.5	Phí thẩm định dự toán xây dựng	30.679
5.6	Phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy	4.836
5.7	Chi phí bảo hiểm công trình	37.941
5.8	Chi phí kiểm toán độc lập	209.608
5.9	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	58.330
5.10	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	50.000
6	Chi phí dự phòng	5.118.287
6.1	Chi phí dự phòng cho khối lượng, công việc phát sinh	3.987.768
6.2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	1.130.519
	TỔNG CỘNG (1+2+3+4+5+6)	45.000.000